

Số: 08/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 26 tháng 02 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt tổng biên chế cán bộ, công chức
trong các cơ quan, tổ chức hành chính của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của
Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 2417-QĐ/BTCTW ngày 06 tháng 12 năm 2023 của
Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Trà Vinh năm 2024;

Thực hiện Kế hoạch số 108-KH/TU ngày 06 tháng 03 năm 2023 của Ban
Thường vụ Tỉnh ủy về quản lý và sử dụng biên chế cán bộ, công chức, viên chức
các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2023 - 2026; Kế
hoạch số 149-KH/TU ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
quản lý và sử dụng biên chế cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan Đảng,
Nhà nước, đoàn thể tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2024 - 2026;

Thực hiện Công văn số 819-CV/TU ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Ban
Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Quyết định số 2417-QĐ/BTCTW ngày 06
tháng 12 năm 2023 của Ban Tổ chức Trung ương;

Xét Tờ trình số 499/TTr-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Nghị quyết phê duyệt tổng biên chế
cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của Hội đồng nhân
dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện năm 2024; báo cáo thẩm tra của Ban
Pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt tổng số biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan,
tổ chức hành chính của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện
năm 2024 là 1.633 biên chế, cụ thể như sau:

1. Các cơ quan, tổ chức hành chính của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân
dân cấp tỉnh là 871 biên chế, giảm 13 biên chế so với năm 2023.

2. Các cơ quan, tổ chức hành chính của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện là 762 biên chế, giảm 18 biên chế so với năm 2023.

(Đính kèm Phụ lục giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện năm 2024).

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm

1. Quyết định giao biên chế cán bộ, công chức đối với từng cơ quan, tổ chức hành chính của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện; chỉ đạo cơ quan chuyên môn thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc quản lý, sử dụng có hiệu quả biên chế được giao đối với cơ quan, tổ chức hành chính của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện.

Theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được quyết định điều chỉnh tăng, giảm biên chế giữa các cơ quan, tổ chức hành chính của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện (trong tổng số biên chế được phê duyệt) và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện. Việc điều chỉnh tăng, giảm biên chế cán bộ, công chức phải đảm bảo thực hiện được việc cắt giảm biên chế cán bộ, công chức của năm tiếp theo theo quy định.

2. Chỉ đạo việc thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 26 tháng 02 năm 2024./. *KV*

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ;
- Ban Công tác đại biểu - UBND;
- Kiểm toán nhà nước khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: NV, TC, TP, Cục Thống kê tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Đài PT và TH, Báo Trà Vinh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái



Phụ lục
 GIAO BIÊN CHẾ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN,
 TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN,
 ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, CẤP HUYỆN NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 26 tháng 02 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế giao năm 2024	Ghi chú
1	2	3	
	Tổng cộng (I+II)	<u>1.633</u>	
I	CẤP TỈNH	871	
1	Các cơ quan, tổ chức thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh (bao gồm biên chế khối cơ quan dân cử ở cấp tỉnh)	36	
1.1	Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội (chuyên trách)	1	
1.2	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân (chuyên trách)	2	
1.3	Các Ban hoạt động chuyên trách	8	
1.4	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	25	
2	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	66	
2.1	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh	4	
2.2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	60	
2.3	Trung tâm Hành chính công	2	
3	Thanh tra tỉnh	36	
4	Sở Nội vụ	54	
5	Sở Tư pháp	26	
6	Sở Khoa học và Công nghệ	29	
7	Sở Xây dựng	38	

KW

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế giao năm 2024	Ghi chú
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	48	
9	Sở Tài chính	47	
10	Sở Thông tin và Truyền thông	28	
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	43	
12	Sở Giao thông vận tải	39	
12.1	Sở Giao thông vận tải	23	
12.2	Thanh tra giao thông	16	
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	51	
14	Sở Kế hoạch và Đầu tư	32	
15	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	47	
16	Sở Công Thương	34	
17	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	118	
18	Ban Dân tộc	18	
19	Sở Y tế	54	
19.1	Sở Y tế	30	
19.2	Chi Cục Dân số và Kế hoạch hóa gia đình	12	
19.3	Chi Cục An toàn vệ sinh thực phẩm	12	
20	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Trà Vinh	27	
II	CẤP HUYỆN	762	
1	Thành phố Trà Vinh	91	
1.1	Các cơ quan, tổ chức thuộc Hội đồng nhân dân thành phố	3	
1.1.1	Phó Chủ tịch HĐND (chuyên trách)	1	
1.1.2	Các Ban HĐND hoạt động chuyên trách	2	

KV

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế giao năm 2024	Ghi chú
1.2	Lãnh đạo UBND và các cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân thành phố	88	
1.2.1	Lãnh đạo UBND thành phố	4	
1.2.2	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND	84	
2	Huyện Càng Long	86	
2.1	Các cơ quan, tổ chức thuộc Hội đồng nhân dân huyện	5	
2.1.1	Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND (chuyên trách)	2	
2.1.2	Các Ban HĐND hoạt động chuyên trách	3	
2.2	Lãnh đạo UBND và các cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân huyện	81	
2.2.1	Lãnh đạo UBND huyện	3	
2.2.2	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND	78	
3	Huyện Tiểu Cần	86	
3.1	Các cơ quan, tổ chức thuộc Hội đồng nhân dân huyện	3	
3.1.1	Phó Chủ tịch HĐND (chuyên trách)	1	
3.1.2	Các Ban HĐND hoạt động chuyên trách	2	
3.2	Lãnh đạo UBND và các cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân huyện	83	
3.2.1	Lãnh đạo UBND huyện	3	
3.2.2	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND	80	
4	Huyện Cầu Kè	85	
4.1	Các cơ quan, tổ chức thuộc Hội đồng nhân dân huyện	4	
4.1.1	Phó Chủ tịch HĐND (chuyên trách)	1	
4.1.2	Các Ban HĐND hoạt động chuyên trách	3	

KW

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế giao năm 2024	Ghi chú
4.2	Lãnh đạo UBND và các cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân huyện	81	
4.2.1	Lãnh đạo UBND huyện	3	
4.2.2	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND	78	
5	Huyện Châu Thành	86	
5.1	Các cơ quan, tổ chức thuộc Hội đồng nhân dân huyện	4	
5.1.1	Phó Chủ tịch HĐND (chuyên trách)	1	
5.1.2	Các Ban HĐND hoạt động chuyên trách	3	
5.2	Lãnh đạo UBND và các cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân huyện	82	
5.2.1	Lãnh đạo UBND huyện	3	
5.2.2	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND	79	
6	Huyện Trà Cú	87	
6.1	Các cơ quan, tổ chức thuộc Hội đồng nhân dân huyện	4	
6.1.1	Phó Chủ tịch HĐND (chuyên trách)	1	
6.1.2	Các Ban HĐND hoạt động chuyên trách	3	
6.2	Lãnh đạo UBND và các cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân huyện	83	
6.2.1	Lãnh đạo UBND huyện	3	
6.2.2	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND	80	
7	Huyện Cầu Ngang	87	
7.1	Các cơ quan, tổ chức thuộc Hội đồng nhân dân huyện	4	
7.1.1	Phó Chủ tịch HĐND (chuyên trách)	1	
7.1.2	Các Ban HĐND hoạt động chuyên trách	3	

KW

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế giao năm 2024	Ghi chú
7.2	Lãnh đạo UBND và các cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân huyện	83	
7.2.1	Lãnh đạo UBND huyện	3	
7.2.2	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND	80	
8	Thị xã Duyên Hải	77	
8.1	Các cơ quan, tổ chức thuộc Hội đồng nhân dân thị xã	3	
8.1.1	Phó Chủ tịch HĐND (chuyên trách)	1	
8.1.2	Các Ban HĐND hoạt động chuyên trách	2	
8.2	Lãnh đạo UBND và các cơ quan, tổ chức Ủy ban nhân dân thị xã	74	
8.2.1	Lãnh đạo UBND thị xã	3	
8.2.2	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND	71	
9	Huyện Duyên Hải	77	
9.1	Các cơ quan, tổ chức thuộc Hội đồng nhân dân huyện	4	
9.1.1	Phó Chủ tịch HĐND (chuyên trách)	1	
9.1.2	Các Ban HĐND hoạt động chuyên trách	3	
9.2	Lãnh đạo UBND và các cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân huyện	73	
9.2.1	Lãnh đạo UBND huyện	3	
9.2.2	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND	70	

KV